CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

FireAnt

CTCP Transimex Logistics

Ngày 30/09/2025	16,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.6%	**-0.7%**	**-6.0%**

DT thuần
Q3/25
76.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.60| 6.4%
YoY: ▲ 10.5| 15.9%

LN thuần
Q3/25
7.88
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.42| -23.5%
YoY: ▼0.57| -6.8%

LN sau thuế
Q3/25
6.88
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.52| -18.0%
YoY: ▲ 0.28| 4.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
12.3%
YoY: +/-▼ 3.6%

ROE (TTM)
Q3/25
17.0%
YoY: +/-▼ 0.7%

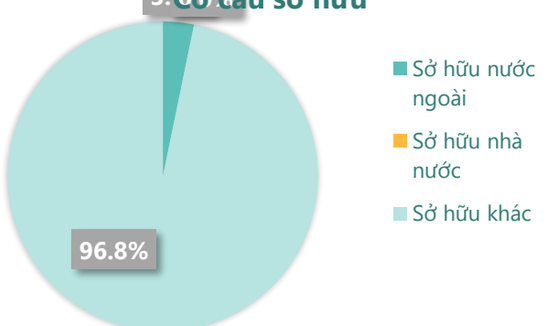
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	14,491 - 19,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	147
Số lượng CPLH (CP)	9,207,842
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,390
Sở hữu nước ngoài	3.2%
Beta	0.58
EPS	2,459
P/E	6.5

DT thuần
9T 2025
206
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.0| 7.9%

LN thuần
9T 2025
21.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.20| 1.2%

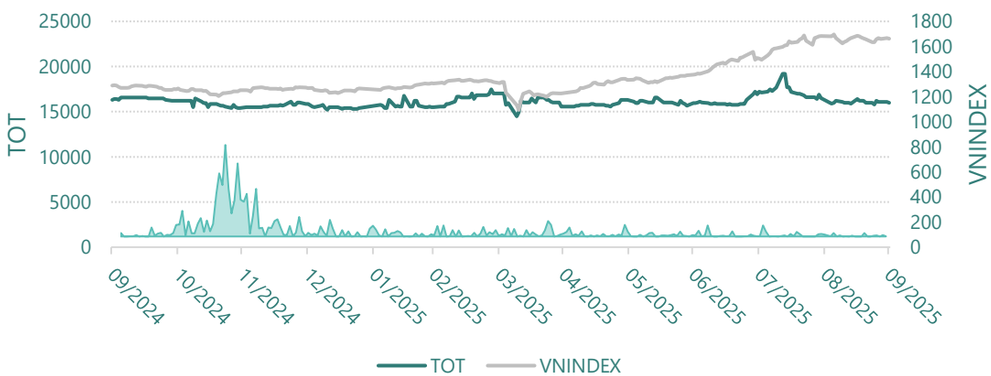
LN sau thuế
9T 2025
18.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.40| -2.5%

Cơ cấu sở hữu

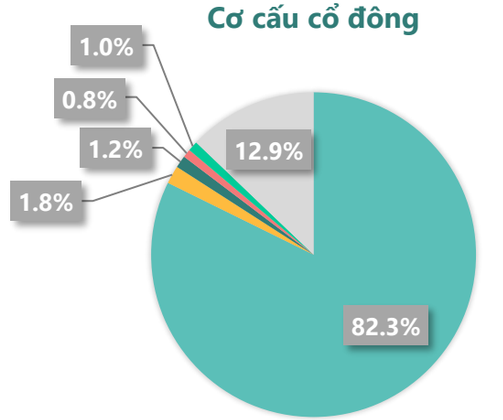


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

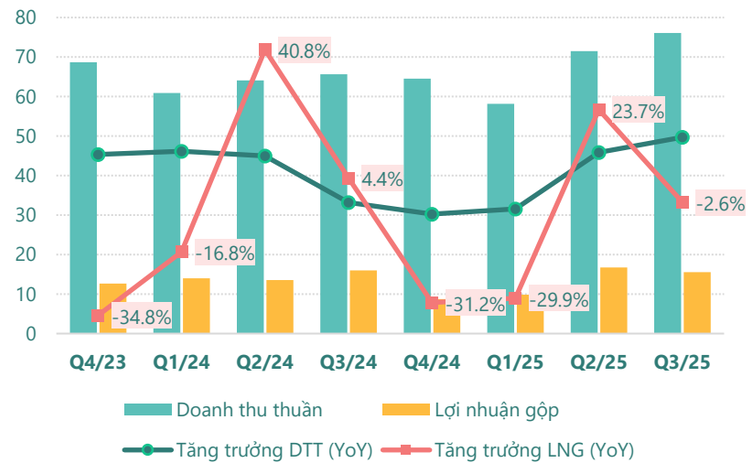


- CTCP Transimex
- Bùi Minh Tuấn
- Bùi Tuấn Ngọc (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Chí Đức (Thành viên HĐQT)
- Lê Duy Hiệp
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

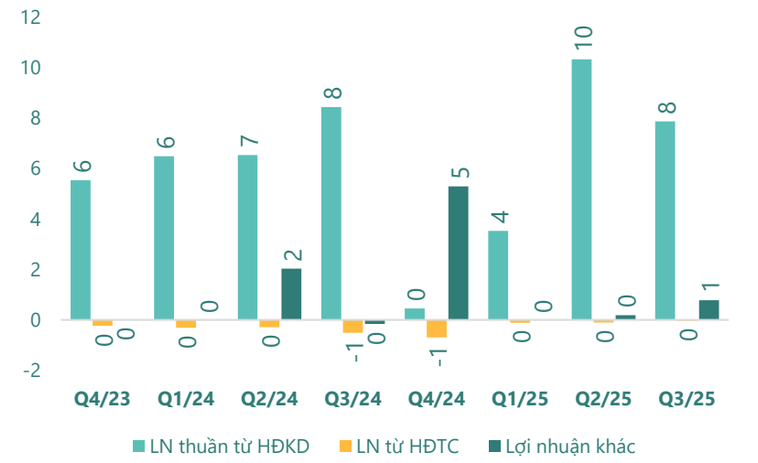
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



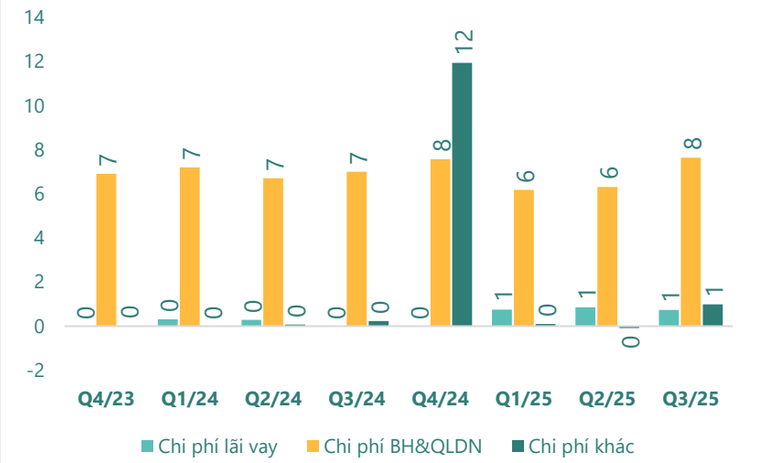
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



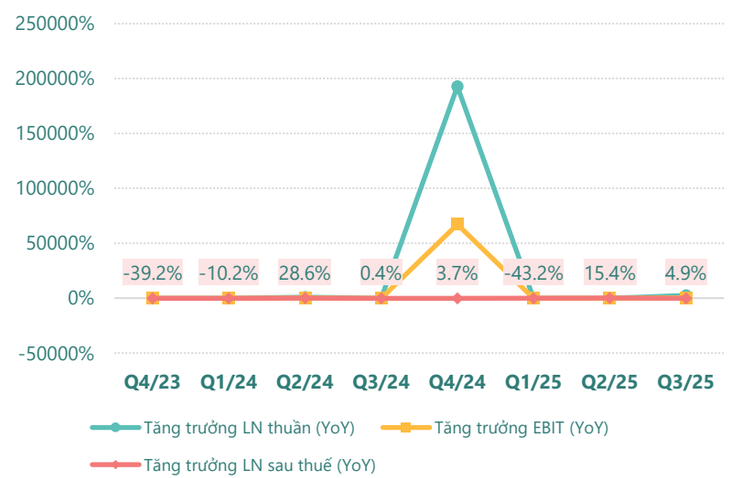
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



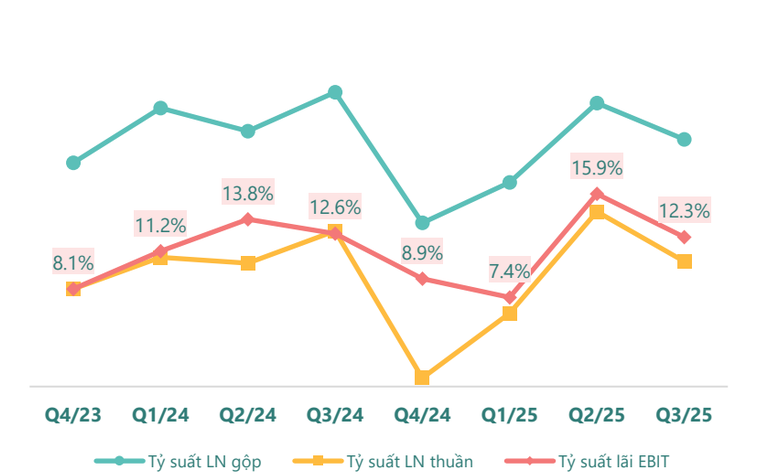
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



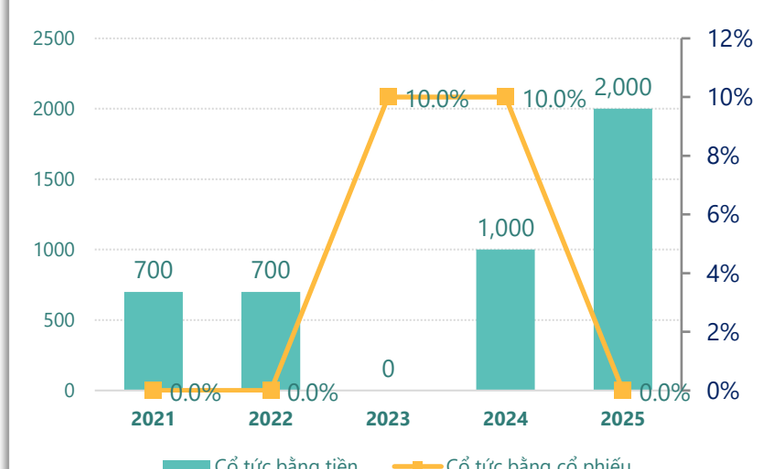
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

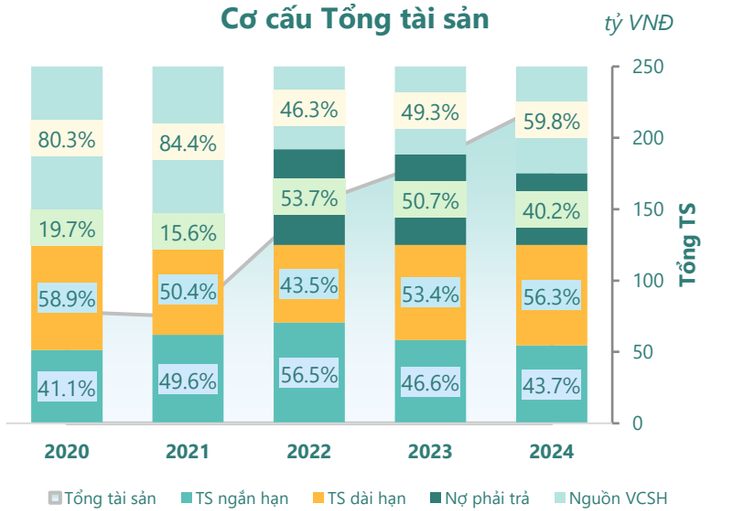
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

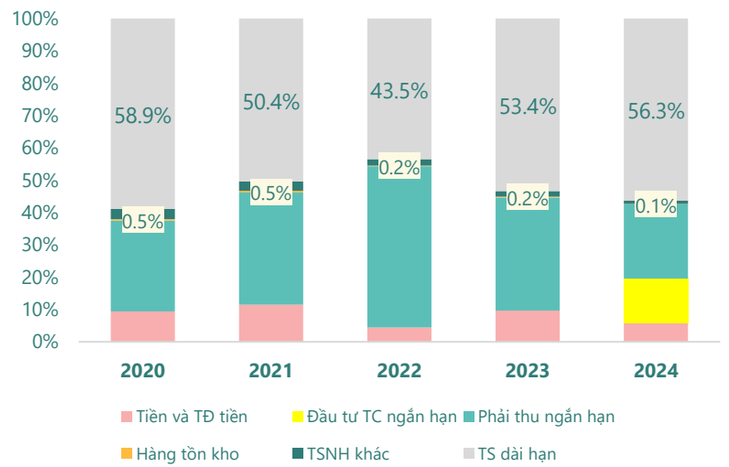
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



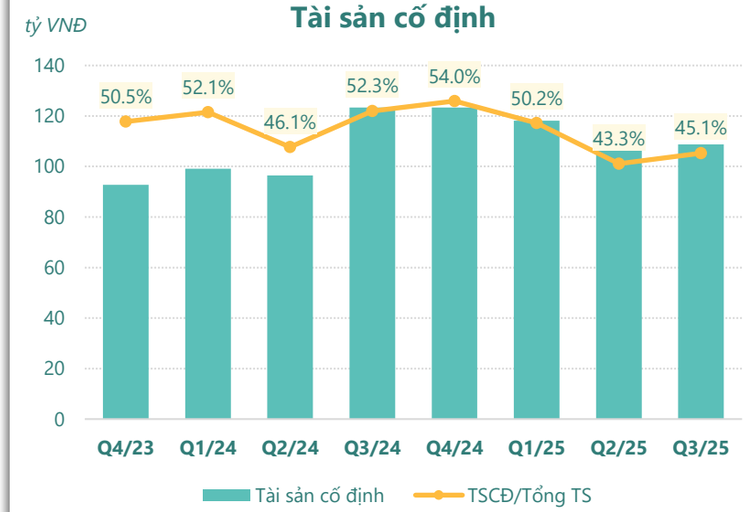
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



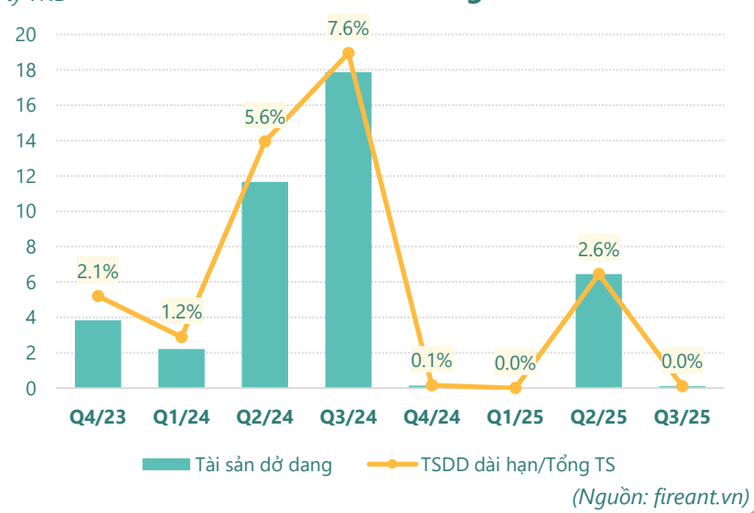
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



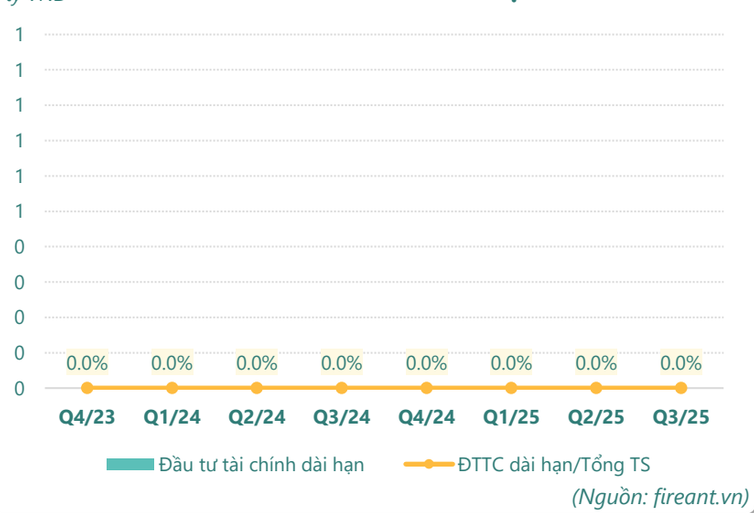
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



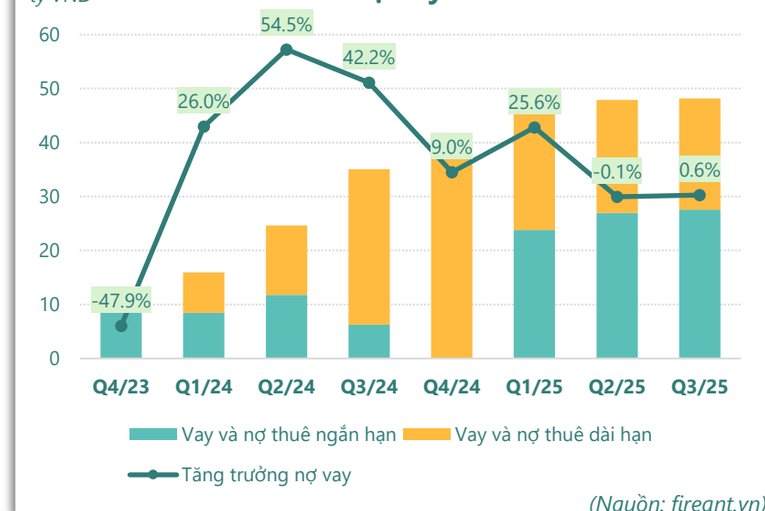
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

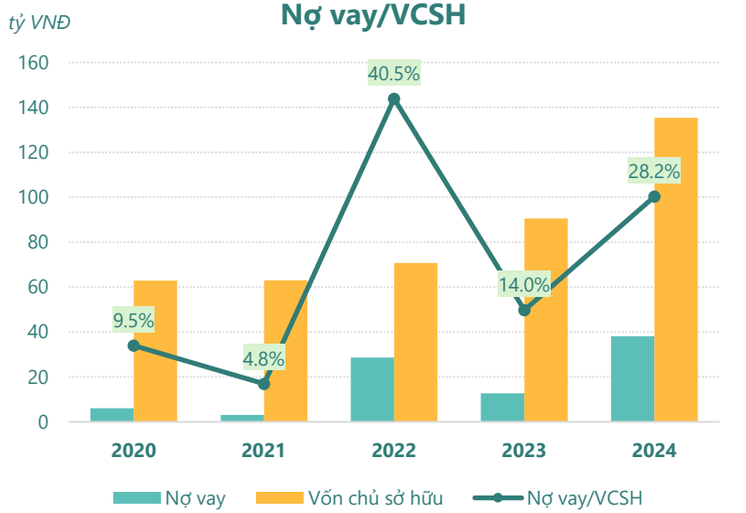
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

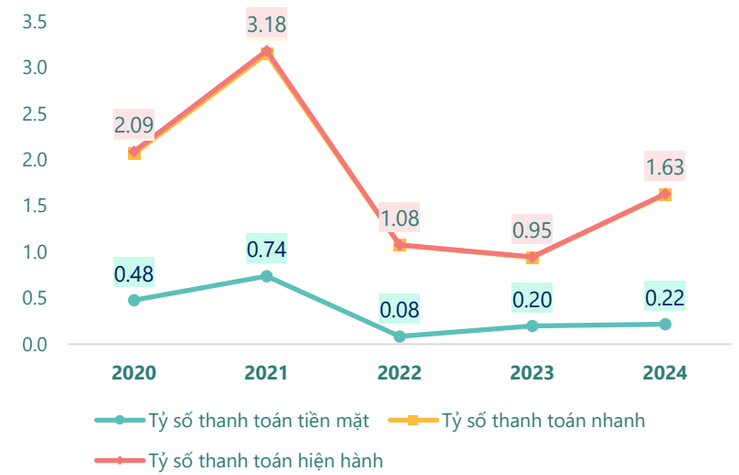
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



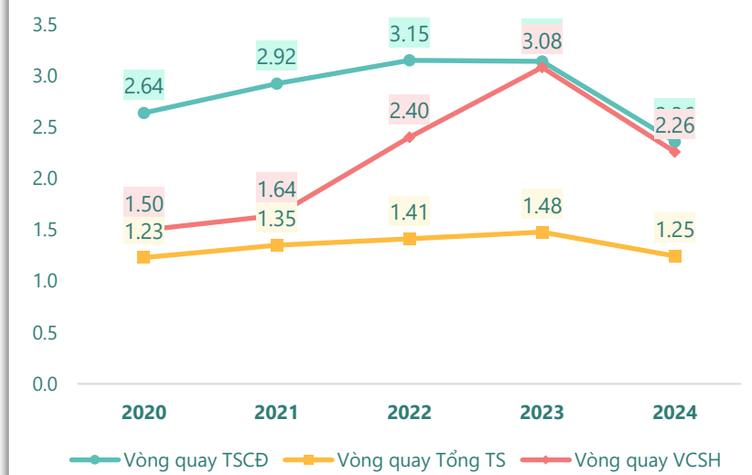
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



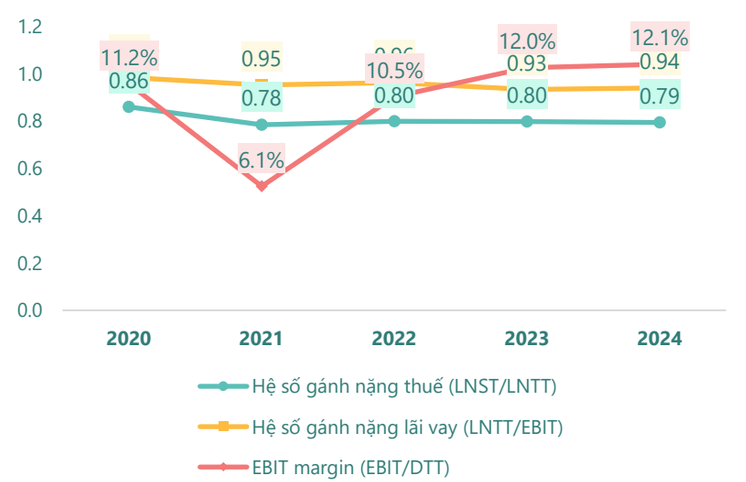
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



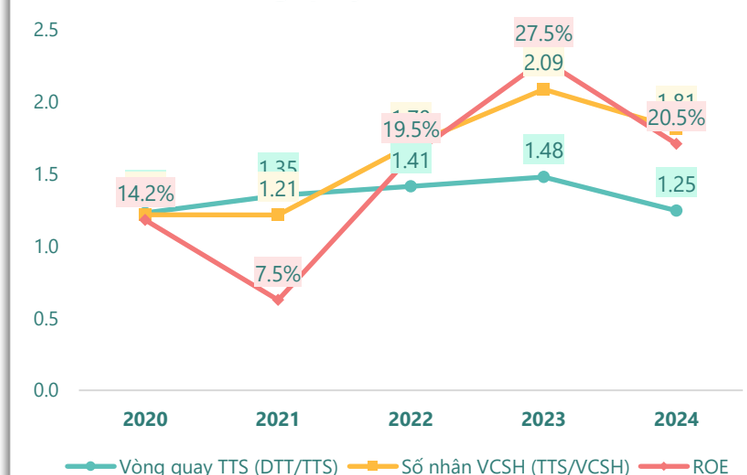
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



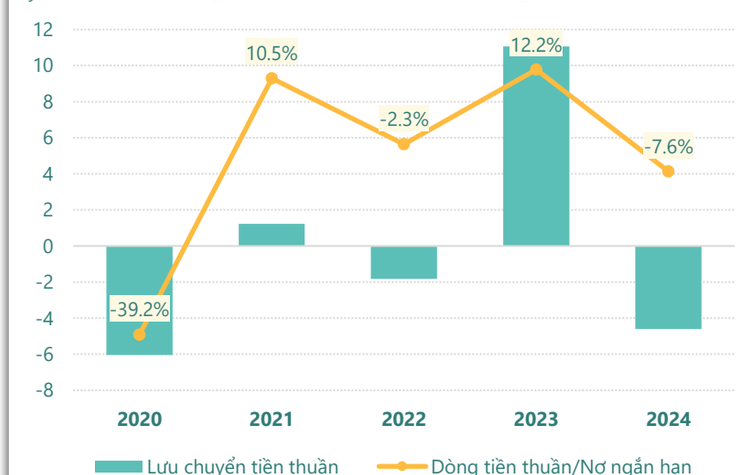
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**76.1**	**65.6**	**15.9%**	**206**	**191**	**7.9%**
Giá vốn hàng bán	60.5	49.7	21.8%	164	147	11.2%
Lợi nhuận gộp	15.5	16.0	-2.8%	42.1	43.5	-3.2%
Doanh thu HĐTC	0.70	0.02	3417%	2.10	0.03	7012%
Chi phí TC	0.74	0.53	39.6%	2.36	1.14	106%
Chi phí lãi vay	0.73	0.00		2.35	0.59	294%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.52	0.02	2484%	0.53	0.07	705%
Chi phí QLDN	**7.12**	**6.99**	**1.9%**	**19.6**	**20.9**	**-6.1%**
LN thuần từ HĐKD	7.88	8.45	-6.8%	21.7	21.5	1.2%
Lợi nhuận khác	**0.78**	**-0.16**	**586%**	**0.97**	**1.88**	**-48.2%**
LN trước thuế	8.65	8.29	4.4%	22.7	23.4	-2.8%
Lợi nhuận sau thuế	**6.88**	**6.60**	**4.3%**	**18.1**	**18.5**	**-2.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.88**	**6.60**	**4.3%**	**18.1**	**18.5**	**-2.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.67	19.7	26.8	-4.40	16.8	-2.54
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.36	-30.7	-27.9	-10.3	0.61	-1.86
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.69	10.4	3.14	9.78	-0.04	-18.1
Tiền đầu kỳ	9.76	11.8	11.2	13.2	8.35	25.8
Lưu chuyển tiền thuần	**2.01**	**-0.58**	**2.05**	**-4.89**	**17.4**	**-22.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.8	11.2	13.2	8.35	25.8	3.21

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**241**	**226**	**6.5%**
Tài sản ngắn hạn	129	98.9	30.3%
Tiền và tương đương tiền	3.21	13.2	-75.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.0	31.0	45.2%
Phải thu ngắn hạn	76.4	51.9	47.1%
Hàng tồn kho	0.28	0.29	-4.9%
Tài sản ngắn hạn khác	3.96	2.47	60.6%
Tài sản dài hạn	**112**	**127**	**-11.9%**
Phải thu dài hạn	0.83	0.83	0.4%
Tài sản cố định	109	123	-11.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.11	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.42**	**2.98**	**-18.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	106	90.8	16.7%
Nợ ngắn hạn	**85.3**	**60.7**	**40.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	27.6	8.12	240%
Phải trả người bán ngắn hạn	41.9	40.2	4.1%
Nợ dài hạn	20.6	30.1	-31.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	20.6	30.1	-31.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**135**	**135**	**-0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**135**	**135**	**-0.3%**
Vốn điều lệ	92.1	92.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)